

TƯ DUY SINH THÁI VÀ ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO

TRẦN TUẤN PHONG^(*)

Bài viết trình bày sự tương đồng giữa Logos của người Hy Lạp cổ đại và suy tư sinh thái với ý niệm “lý” của Nho giáo, cụ thể là của một số đại biểu của Tân Nho giáo. Từ đó, tác giả nhấn mạnh ý nghĩa của tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo trong việc hướng con người đến một sự phản tư sâu sắc hơn về bốn phận, bản chất vị thế và trách nhiệm của con người đối với môi trường. Mọi sự phát triển của con người phải xuất phát từ sự tôn trọng và yêu mến thiên nhiên như là một môi trường sống hữu cơ của mình để hướng tới cuộc sống hoà thuận với môi trường và sinh quyển.

Lời người hiện nay đang phải hứng chịu những ảnh hưởng khác thường và khắc nghiệt của sự biến đổi khí hậu cũng như nạn ô nhiễm môi trường trầm trọng. Nếu như đợt khủng hoảng tài chính và tiền tệ trên phạm vi toàn thế giới vừa qua buộc con người phải suy nghĩ lại về tính bền vững của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, thì cuộc khủng hoảng sinh thái và môi trường buộc chúng ta phải suy nghĩ lại một cách nghiêm túc và tỉnh táo về thái độ và cách đối xử của con người với môi trường và thiên nhiên. Trong bối cảnh đó, tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo có thể cung cấp cho chúng ta một cách nhìn nhận khác về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và môi trường sống. Thay vì coi thiên nhiên là đối tượng duy nhất cần phải khuất phục nhằm khai thác triệt để vì lợi nhuận hay vì các mục đích ích kỷ khác của con người, tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo xem thiên nhiên như là một cơ thể sống, một “ngôi nhà chung”

nuôi dưỡng con người và vạn vật. Tư duy sinh thái hướng tới sự phát triển bền vững và một đời sống hài hòa với môi trường và sinh quyển. Tương tự như vậy, xuất phát từ sự tôn trọng và yêu mến thiên nhiên như là môi trường sống hữu cơ của mình, mục đích chính của đạo đức Nho giáo là hướng tới cuộc sống hòa thuận không những với chính bản thân con người, mà còn hướng tới sự hòa hợp trong gia đình, với xã hội và cao nhất là với thiên nhiên (vũ trụ). Chính những điểm chung này đã phần nào giải thích sức hấp dẫn và sự lan tỏa của tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo trong thời đại hiện nay.

Trong bài viết này, thông qua việc phân tích khái quát nội dung của tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo, chúng tôi muốn chỉ ra những đóng góp của tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo trong thái độ và cách tiếp cận của

(*) Thạc sĩ, Phó trưởng phòng Triết học Chính trị, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

con người đối với thiên nhiên và môi trường sống.

1. Tư duy sinh thái và mối quan hệ giữa con người với môi trường

Theo nguyên từ học, sinh thái học (*ecology*) bao gồm *eco* và *logy*. *Eco* trong tiếng Hy Lạp (*oikos*) có nghĩa là ngôi nhà với tư cách là không gian sống. Còn *logy* bắt nguồn từ *logos*. Khởi nguyên *logos* có nghĩa là “ngôn từ” hay “ngôn hành”, nhưng nó còn có nghĩa là “công thức”, “mối liên hệ”, “cấu trúc”, trật tự hoặc ý nghĩa. Theo Heraclitus, *logos*, đối lập với *nomos* là luật lệ hay trật tự do thần linh hay con người thiết lập, là trật tự của tự nhiên hiện hữu nội tại(1). Như vậy, sinh thái học đề cập đến *trật tự có tính nội tại* của ngôi nhà hay không gian sinh sống và hoạt động của các sinh thể. Điều mà sinh thái học, với tư cách là một bộ môn khoa học, quan tâm là lý giải và miêu tả cấu trúc hay trật tự nội tại hiện hữu thông qua *các mối quan hệ* giữa các “thành viên” sinh sống trong môi trường đó. “Ngôi nhà” trong *ecology* có thể được hiểu là nơi an cư (mái ấm gia đình) không những của con người, mà còn là của toàn thể các sinh thể trên trái đất. Còn cái *logos* hay trật tự nội tại trong đó đã đem lại sự thống nhất, tính nhất thể, sự hài hòa (hay cân bằng năng động) của “ngôi nhà” trái đất của chúng ta. Ngôi nhà đó bao gồm cả, như lời của F.Capra, “...các hệ sinh thái (*ecosystems*) với tư cách là các cộng đồng bền vững; các cộng đồng động vật, thực vật và các vi thể (*microorganisms*) đã tiến hóa qua hàng tỉ năm để tối ưu

hóa tính bền vững của mình”(2).

Tư duy sinh thái, cũng chính là tư duy hệ thống, nhấn mạnh đến tính toàn thể và tính trật tự nội tại của toàn bộ vũ trụ. Chính tư duy sinh thái buộc “chúng ta phải chuyển từ tư duy tuyến tính (*linear*) sang tư duy phi tuyến tính (*non-linear thinking*), chúng ta chú tâm đến các mô thức hay mẫu hình (*patterns*)(3) và các mối liên hệ (*relationships*). Nó còn là (tư duy) nhận thức ra các vấn đề trong mối tương giao với nhau, nhận ra cái toàn thể, các mối liên hệ giữa các cấu phần và tiến trình”(4). Nếu như tư duy truyền thống thường xuất phát từ các “đối thể” (*objects*) tồn tại độc lập và riêng biệt thì tư duy hệ thống đặt trọng tâm vào tính liên hệ (*relationship*). Sự chuyển hướng từ “đối thể” sang “mối liên hệ” trong tư duy sinh thái đồng nghĩa với sự chuyển đổi từ tư duy nhìn nhận vũ trụ được “cấu tạo” bởi “thực thể” (hay đơn vị cơ bản) sang tư duy nhìn nhận vũ trụ như là một tiến trình năng động, một mạng lưới tương tác của các biến cố. Trong mạng lưới vĩ đại đó, “Không một tính chất nào của bất kỳ thành phần nào trong mạng lưới này là cơ bản; tất cả chúng đều sinh ra từ tính chất của những thành phần khác, và chúng

(1) Malte Faber and Reiner Manstetten (2010). *Philosophical Basics of Ecology and Economy*. Routledge New York, 2010, p.19.

(2) Xem: <http://www.energybulletin.net/node/15826>

(3) Về mặt nguyên từ học thì mẫu hình (paradigm) tương đương với mô thức (pattern) và đều có nguồn gốc Hy Lạp là *παράδειγμα* (*paradeigma*). Xem chú thích tại: <http://www.wordiq.com/definition/Paradigm>.

(4) Xem: <http://www.energybulletin.net/node/15826>

tương thích toàn diện trong quá trình tương tác của những cấu trúc xác định trong toàn mạng lưới”(5).

Thay cho những “đôi thể” tồn tại độc lập và được kết nối với nhau theo những mối liên hệ “bên ngoài”, trong tư duy hệ thống, các hệ thống sống (*living systems*) hiện diện trong sự phụ thuộc và bổ sung cho nhau thông qua các *mối liên hệ tương tác* mang tính nội tại. Sự xuất hiện và củng cố của các mối liên hệ tương tác hữu cơ dẫn đến khái niệm mô thức hay sự định dạng (cấu hình) các mối liên hệ. Trong cấu trúc nội tại của một hệ thống sống thì mô thức là *cách thức tổ chức* của một cơ thể sống, nó đảm đương trách nhiệm phối hợp và điều tiết hoạt động của các cấu phần của một hệ thống tạo ra *cấu trúc* hay “bản sắc” riêng biệt của cơ thể sống đó(6). Cơ thể sống không phải là một tập hợp cơ học các bộ phận, mà là một toàn thể hữu cơ. Chính khái niệm *mô thức tổ chức*, với tư cách một đặc tính phát khởi hay hợp trội (*emergent quality*), đã đem lại tính toàn thể và bản sắc riêng cho cơ thể sống, nó điều phối hoạt động, quy định chức năng của các bộ phận cấu thành của cơ thể sống. Sự hiện diện của mô thức đã mang lại tính khép kín *trên phương diện tổ chức* cho cơ thể sống, để cho nó trở thành một toàn thể hữu cơ có bản sắc. Tuy nhiên, cơ thể sống không phải là một chỉnh thể độc lập, mà nó luôn tồn tại trong một môi trường sống hay bối cảnh sống nhất định và trong quan hệ giữa cơ thể sống với môi trường. Mô thức tổ

chức đóng vai trò là “bộ lọc” giám sát các quá trình trao đổi chất và năng lượng giữa cơ thể sống với môi trường, là nhân tố điều chỉnh mối quan hệ, đem đến những thay đổi cần thiết về cấu trúc trong cơ thể sống nhằm bảo vệ sự tồn tại và phát triển của cơ thể sống trong mối quan hệ với môi trường. Trên phương diện này, nhờ có mô thức mà trong mối quan hệ với môi trường, cơ thể sống mang tính *mở về mặt cấu trúc*.

Trên đây, chúng tôi đề cập đến mô thức với tư cách một trật tự đang hiện hữu. Diễn đạt theo ngôn ngữ của nhà vật lý David Bohm thì mô thức có thể được hiểu như trật tự dàn trải (*explicate order*), là một phương diện (hay sự khai triển) của một trật tự nội tại (*implicate order*) bất khả phân, ở dạng tiềm năng (vô hạn)(7). Vũ trụ(8) là một hiện thân hay sự phóng phát (*emanation*) của *logos* hay một trật tự nội tại sâu kín hơn. Nói cách khác, trật tự của vũ trụ là sự triển khai của *logos*. *Logos* trong sinh thái học (*ecology*) hay trật tự nội tại mang tính bản thể luận (hay tính luận) là cái nguyên lý tổ chức điều tiết toàn bộ vũ trụ: từ nguyên lý đó ta thấy xuất hiện mô thức tổ chức (hay

(5) Fritjof Capra. *Đạo của vật lý*. Nguyễn Tường Bách dịch, Nxb Trẻ 1999, tr.339.

(6) Hai nhà sinh vật học người Chi Lê là H.Matunara và F.Valera là những người đã chỉ ra sự khác biệt giữa khái niệm tổ chức và cấu trúc. Xem trong H. Matunara and F.Valera. *Autopoiesis and Cognition*, 1980, Routledge.

(7) David Bohm. *Wholeness and the Implicate Order*. London, 1980.

(8) Trong tiếng Hy Lạp cổ, *Cosmos* (vũ trụ) cũng có nghĩa là trật tự (Order), hay sự xếp đặt (tổ chức) có trật tự.

trật tự dần trải) của từng cơ thể sống, của các tiểu hệ thống sống, hệ thống và siêu hệ thống... Tính đa dạng và thống nhất, sự cân bằng và “công bằng” cũng như tính tương thích hữu cơ của toàn bộ vũ trụ không phải do *logos* quyết định sao?

Xuất phát từ sự nhận thức về *logos* như là một nguyên lý bản thể luận và lôgic nội tại (*inner logic*), ta có thể nhận thấy tính thống nhất (hữu cơ hay từ “bên trong”) trong đa dạng của vũ trụ. Mọi mối liên hệ phức tạp giữa hệ thống sống và môi trường là những thứ bậc của những trật tự dần trải khác nhau có nguồn gốc (hay là sự triển khai, phát khởi, phóng phát) từ *logos* uyên nguyên mà trong đó, mỗi hệ thống vừa là chỉnh thể hay cấu trúc hợp thành của những hệ thống “nhỏ hơn”, vừa là bộ phận hợp thành của những chỉnh thể “lớn hơn” và đồng thời cùng tương tác với các chỉnh thể hợp thành đồng đẳng với nó trong môi trường sống. Thế giới sống vì thế là một mạng lưới vĩ đại của các mối liên hệ hữu cơ và đan xen giữa các hệ thống (và tiểu hệ thống) sống với nhau. Trong mạng lưới đan xen và phức tạp của các mối quan hệ tương tác đó, mỗi cơ thể sống hay hệ thống sống chỉ mang tính độc lập tương đối(9). Cái chi phối và tạo sự thống nhất cho toàn bộ trái đất hay cả vũ trụ luôn là cái trật tự nội tại (*logos*) tiềm ẩn trong mỗi “đơn vị”. Sự hiện hữu của trật tự nội tại (thông qua các mô thức tổ chức hay trật tự dần trải) này đã phủ nhận quan điểm cho rằng vũ trụ là sự sáng tạo một đấng tối

cao, bởi vì “sự hòa đồng của mọi hiện hữu được sinh ra, không phải từ quyền phép của một uy lực siêu thế nằm ngoài chúng, mà từ thực tế, chúng là thành phần của một cái toàn thể tạo thành cấu trúc của vũ trụ, và điều chúng tuân thủ chính là sự nhấn nhủ từ chính nội tâm của chúng”(10).

Thật kỳ lạ là những gì chúng ta nói về *Logos* của người Hy Lạp và của tư duy sinh thái lại có nhiều nét tương đồng với ý niệm Lý của Nho giáo, đặc biệt là Tân Nho giáo. Chính vì thấu hiểu được tầm quan trọng của Lý nên Joseph Needham đã dịch Lý là *nguyên lý tổ chức* và lý giải như sau: “Trong nghĩa cổ đại nhất, nó chỉ định những mẫu hình trong sự vật, đó là vân của ngọc thạch hay sợi trong bắp thịt... Nó đạt được từ chung là “nguyên lý”, nhưng luôn luôn giữ một nghĩa của “cấu trúc”... Đó là “qui luật”, nhưng qui luật này là luật mà các thành phần của cái toàn thể phải tuân thủ vì chúng chính là phần của cái chung... Điều quan trọng nhất khi nói về thành phần là chúng vào đúng chỗ, chính xác, ăn khớp với những thành phần khác trong một sinh cơ toàn thể do chúng tạo nên”(11). Để có thể làm rõ hơn những điểm này chúng tôi sẽ chuyển sang xem xét đạo

(9) Tính độc lập tương đối này được quy định bởi mô thức tổ chức của mỗi cơ thể sống, chính nhờ mô thức tổ chức này nên mặc dù cơ thể sống chịu tác động của môi trường nhưng tác động của môi trường không *trực tiếp* dẫn đến sự thay đổi về cấu trúc của cơ thể sống mà *gián tiếp* thông qua mô thức tổ chức của từng cơ thể sống.

(10) Fritjof Capra. *Đạo của vật lý*, Sdd., tr.343.

(11) Fritjof Capra. Sdd., tr.343-344.

đức Nho giáo.

2. Đạo đức Nho giáo và sự hài hòa của vũ trụ

Như đã phân tích ở trên, chúng ta thấy rằng, khái niệm *logos* trong sinh thái học đóng vai trò là nguyên lý thống nhất hay trật tự nội tại tồn tại tiềm ẩn trong vũ trụ, như là “Ngôi nhà” (*oikos*) hay môi sinh của mọi sinh thể. Sự hiện thân hay cụ thể hóa của trật tự nội tại này chính là *mô thức* hay mẫu hình tổ chức của hệ thống sống hay cơ thể sống. Mô thức, với tư cách *cách thức tổ chức*, quy định *cấu trúc* và đem lại “bản sắc” hay tính đặc thù tương đối của một hệ thống sống. Hệ thống sống luôn tồn tại trong một môi trường sống nên nó luôn phải có những điều chỉnh về cấu trúc cần thiết để thích nghi với môi trường sống đó, nơi mà nó là một bộ phận của một nguyên lý tổ chức có quy mô lớn hơn. Nói tóm lại, sự đa dạng và tính phức tạp của toàn bộ sinh giới được quy định bởi các mô thức tổ chức khác nhau nhưng sự đa dạng và tính phức tạp không loại trừ tính tương thích hay tính thống nhất, bởi các mô thức tổ chức này đều có nguồn từ *logos* nguyên lý nội tại tiềm ẩn.

Tương tự như vậy, trong Nho giáo, khái niệm lý, *thiên lý* hay *thiên mệnh* cũng là nguyên lý thống nhất hay trật tự nội tại tiềm ẩn trong vũ trụ. Bản tính của con người, bản tính của muôn vật là sự hiện diện tiềm ẩn của nguyên lý này (“Thiên Mệnh chi vị tính”(12)). Sự sống của vạn vật có tổ chức, có thứ bậc và trật tự là sự phóng phát và triển

khai của bản tính tiềm ẩn này. Trong cách thức tổ chức đời sống của con người, đạo đức mà Nho giáo đề cập đến chính là sự tỏa sáng, sự phóng phát của cái nguyên lý hay thiên mệnh đó (“Suất tính chi vị Đạo”(13)). Sự hiện diện và triển khai của cách thức tổ chức (đạo) trong đời sống của con người đem lại trật tự, sự ổn định và an bình trong các “cấu trúc” khác nhau mà con người tham dự (gia đình, xã hội, nhà nước và thế giới). Khác với các sinh thể khác, con người ý thức được sự hiện diện nội tại và tiềm ẩn của “thiên mệnh” trong chính bản chất của mình. Sự ý thức này đem lại sự chủ động của con người trong mối tương giao với “thiên mệnh” và bản tính tiềm tàng nơi mình, bởi vì “Người ta có thể mở rộng nền đạo đức nơi mình; chẳng phải nền đạo đức mở rộng được người”(14).

Lịch sử tồn tại của con người vì thế mà gắn liền với các cách thức nhận biết và triển khai “bản chất” được phú bẩm này qua tiến trình tu thân (“Tu Đạo chi vị giáo”(15)). Đạo đức Nho giáo vì thế là cách thức tổ chức đời sống chủ động của con người trong sự liên thông và quy chiếu với thiên mệnh. Cũng cần phải nói rõ rằng, thiên hay trời trong Nho giáo không phải là đẳng tối cao tồn tại siêu việt với thế giới, mà chính là nguyên lý nội tại tiềm ẩn ở dạng (bản)

(12) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). Tập 2: *Trung Dung*. (Bản dịch của Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa, 2006. tr.40.

(13) *Tứ Thư*. Sđd., tr.40.

(14) *Tứ Thư*. Sđd., tr.251.

(15) *Tứ Thư*. Sđd., tr.40-42.

tính của mọi sinh thể, như Phan Bội Châu giải thích: “Lý tự nhiên tức là ‘thiên mệnh’. Chữ ‘thiên’ không phải là trời ở không gian đâu, mà chỉ nói bằng lý tự nhiên; âm dương nhị khí hòa hợp ở trong lúc vô hình mà sinh ra vạn vật, đó tức là thiên mệnh. Thuộc về thiên gọi là gọi bằng ‘mệnh’; phú vào người ta rồi thời gọi bằng ‘tính’. Mệnh với tính chỉ có một lẽ mà thôi”(16).

Như vậy, làm người có nghĩa là sống có đạo đức. Đạo đức ở đây trước tiên là mối tương giao giữa con người với trời đất và vạn vật. Sống có đạo đức là sống trong sự thức tỉnh và hiện thực hóa mối tương giao này qua việc “thi hành” mệnh trời để *thành* người. Chữ *thành* (誠) trong Nho giáo, như giáo sư Yong Huang giải thích, bao gồm cả sự nhận biết (thức tỉnh) được bản tính hay đạo (lý) trong (tâm) mình lần tiến trình “hiện thực hóa” bản tính của mình trong đời sống đạo đức(17). Sự thức tỉnh và triển khai của mệnh trời này chính là tiến trình tu thân của con người. Thành quả của nỗ lực tu thân không những là sự chuyển hóa (hoàn thiện hóa) của cá nhân, mà còn thể hiện trong trật tự của gia đình, ổn định của quốc gia và thái bình của thế giới. Con người đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc thiết lập và duy trì sự ổn định và phát triển của toàn bộ vũ trụ và nỗ lực tu thân của con người (“từ bậc Thiên tử xuống chỉ hạng bình dân”) chính là yếu tố quyết định trên con đường đạt đến mục đích cao cả đó: “Những vị vua thánh thừa xưa muốn

làm cho cái đức tính mình tỏ sáng ra trong thiên hạ, trước hết phải lo sửa trị nước mình. Muốn sửa trị nước mình, trước phải sắp đặt nhà cửa cho chỉnh tề. Muốn sắp đặt nhà cửa cho chỉnh tề, trước phải tu tập lấy mình” bởi vì chỉ khi tu tập được mình thì “mới sắp đặt nhà cửa cho chỉnh tề. Nhà cửa đã sắp đặt cho chỉnh tề, thì nước mới sửa trị được. Nước đã sửa trị, thiên hạ mới bình an. Trên từ bậc Thiên tử xuống chỉ hạng bình dân, ai nấy đều phải lấy sự tu tập lấy mình làm gốc”(18).

Những “bước đi” của tu thân đã được tóm lược cô đọng trong *Đại học*: “Muốn tu tập lấy mình, trước phải giữ lòng dạ mình ngay thẳng. Muốn giữ lòng dạ mình ngay thẳng, trước phải làm cho cái ý của mình thành thật. Muốn làm cho cái ý của mình thành thật (thành kỳ ý), trước phải có cái trí thức châu đáo. Muốn có cái trí thức châu đáo, ắt phải nghiên cứu sự vật. (Trí tri tại cách vật)”(19).

Vậy là tu thân phải bắt đầu từ cách vật. Vì sao lại phải bắt đầu từ cách vật? Nếu như hiểu rằng “Vật có gốc ngọn, việc có đầu cuối, biết thứ tự trước sau thì gần với đạo”, thì biết tới chốn (trí tri) là biết điều ấy. Chu Hi giải thích rằng, “Cái gọi là “trí tri cách vật” nghĩa

(16) Phan Bội Châu. *Khổng Học Đăng*. Nxb Văn hóa - Thông tin, 1998. tr.392.

(17) Yong Huang. “Confucius and Mencius on the motivation to be moral”. *Philosophy East & West*, Volume 60, Number 1, January, 2010, p.72.

(18) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). *Tập 1: Đại Học*. (Bản dịch của Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa, 2006, tr.9 (chương 1).

(19) *Tứ Thư*. Sdd., tr.9.

là muốn đạt tới cùng sự hiểu biết của ta, thì ta phải xét tới cùng cái Lý của sự vật... Nếu chưa đạt tới tận cùng cái Lý của sự vật thì sự hiểu biết của ta chưa hoàn chỉnh". Sự hiểu biết trong cách vật phải là sự hiểu biết triệt để nhằm dẫn đến sự tiếp thông giữa người và vạn vật, sự chuyển hóa bản thân để hướng đến hòa hợp nhất thể với vũ trụ (đạt đến "cùng lý"), như Hoành Cừ nói: "Mở rộng tâm mình thì xem vật trong thiên hạ là một thể với mình. Nếu chưa là một thể với vật, thì tâm mình còn có cái ở bên ngoài. Tâm của người đời chỉ hạn hẹp ở kiến văn (tức cái mắt thấy tai nghe). Còn thánh nhân thấu triệt bản tính, không để cho kiến văn gông cùm tâm mình. Thánh nhân nhìn thiên hạ, thấy vật nào cũng là mình cả. Mạnh Tử nói tận tâm thì biết bản tính và biết Trời là thế đó. Trời lớn nên chẳng có gì ở bên ngoài Trời, cho nên hễ có cái tâm bên ngoài sự vật, thì tâm đó không đủ để hợp với thiên tâm. Cái hiểu biết do kiến văn là do giao tiếp với vật thể mà biết. Nó không phải là sự hiểu biết do đức tính. Sự hiểu biết do đức tính không bắt nguồn từ kiến văn"(20).

Còn theo Phùng Hữu Lan, *cách* là tới, *vật* là sự vật; xét tới cùng các lý của sự vật thì sẽ đạt tới chỗ tối cao của nó... Xét tới cùng các lý của sự vật trong thiên hạ tức là thấu triệt được cái lý trong thể tính của chúng ta(21). Đây cũng là mục đích tối thượng của tu thân. "Sự thấu triệt cái lý trong thể tính của chúng ta" chỉ có thể có ở bậc Thánh nhân là người "đã biết tường tận

cái tính thiên của mình, người [thánh nhân] có thể biết tường tận cái tính thiên của kẻ khác, người có thể biết tường tận cái tính thiên của mọi vật. Đã biết tường tận cái tính thiên nhiên của mọi vật, người có thể giúp Trời Đất trong cuộc biến hóa và sinh trưởng, người có thể dự đồng hàng với Trời Đất rồi đó"(22).

Đồng hàng và hòa điệu với nhịp sống của trời đất và vạn vật đạt được trong nỗ lực tu thân chính là niềm an lạc lớn nhất của con người. Niềm an lạc này không phải chỉ dừng ở chỗ hiểu biết mang tính lý luận theo kiểu phương Tây hay sự ưa thích bình thường, mà là sự hòa điệu với đạo: "Biết đạo chẳng bằng ưa đạo; ưa đạo chẳng bằng vui với đạo"(23). Không vui và an lạc sao được khi mà ta nhận ra rằng, "Càn (trời) là cha, Khôn (đất) là mẹ, tám thân nhỏ nhoi của ta tương hợp với trời đất mà đứng ở giữa. Cho nên cái khí lấp đầy trời đất là thân thể ta. Cái thống lĩnh trời đất là bản tính của ta. Người dân là đồng bào của ta. Vạn vật là bè bạn của ta"(24).

Đạo đức của Nho giáo là đạo đức hướng đến sự hòa hợp của con người với

(20) Trích theo: Phùng Hữu Lan. *Lịch sử triết học Trung Quốc*, t.2. (Bản dịch của Lê Anh Minh). Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội, 2007. tr.554.

(21) Phùng Hữu Lan. *Lịch sử triết học Trung Quốc*, t.2. Sdd., tr.622-623.

(22) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). Tập 2: *Trung Dung*, Sdd., tr.79.

(23) *Tứ Thư* (trọn bộ 4 tập). Tập 3: *Luận Ngữ*, Sdd., tr.93.

(24) Trích theo: Phùng Hữu Lan. *Lịch sử triết học Trung Quốc*, t.2, Sdd., tr.555.

vũ trụ, nhìn nhận cả vũ trụ như một đại gia đình. Đây cũng là đạo đức trách nhiệm ý thức được bốn phận của con người trong đại gia đình đó. Khi mà đã ý thức được rằng thể và tính của chúng ta cũng là thể và tính của vũ trụ thì “Chúng ta phải xem vũ trụ là cha mẹ, cũng phải phụng sự vũ trụ như phụng sự cha mẹ, phải xem mọi người trong thiên hạ đều là anh em mình cả, phải xem vạn vật trong thiên hạ đều là đồng loại với mình, cũng phải đối đãi với vạn vật như đối đãi với đồng loại của mình”(25). Chính vì thế, tu thân trong Nho giáo mang tính thực hành (đạo đức) cao độ (Tri hành hợp nhất): không chỉ là nhằm để đạt đến sự hiểu biết đúng đắn, đầy đủ, mà còn là nhằm tìm cách thiết tạo ra các điều kiện xã hội chính trị (tề gia, trị quốc) thuận lợi để đem lại hạnh phúc và hòa bình cho con người (vì mục đích phát triển con người). Biết được *thiên mệnh* hay *mệnh trời*(26) sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn những vấn nạn của xã hội hiện thời, đồng thời tìm ra những khía cạnh tiến bộ tiềm ẩn có trong đó (để phát huy, phát lộ chúng) nhằm chuyển hóa xã hội đến hướng tốt đẹp hơn.

Kết luận

Như vậy, qua việc tìm hiểu tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo chúng ta có thể thấy rằng, giữa tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo có những nét tương đồng rất lớn. Vũ trụ là một “ngôi nhà” lớn, một cơ thể sống hữu cơ có tổ chức và có trật tự bao gồm con người và vạn vật. Thiên nhiên quanh ta, hệ sinh thái trên trái đất, trước khi có sự xuất hiện

của con người, đã là một môi trường sống có tổ chức và cân bằng (và vì thế bền vững). Tuy con người cũng chỉ là một “bộ phận”, một thành phần của cơ thể thống nhất đó, nhưng địa vị đặc biệt của con người được khẳng định bởi con người ý thức được cái trật tự nội tại tiềm ẩn của vũ trụ. Sứ mệnh của con người là triển khai và phát khởi tiềm năng tàng ẩn này. Nhưng đồng thời, con người cũng luôn phải nhớ bốn phận và trách nhiệm của mình trong “ngôi nhà lớn” này. Mọi sự phát triển của con người phải xuất phát từ sự tôn trọng và yêu mến thiên nhiên như là môi trường sống hữu cơ của mình để hướng tới cuộc sống hòa thuận với môi trường và sinh quyển. Cái *logos* trong sinh thái học hay cái (*thiên*) lý, *thiên mệnh* trong Nho giáo là “nguyên nguồn” của luật tự nhiên, của mọi luật lệ và đạo đức của xã hội. Tính thống nhất, hài hòa và bền vững của thế giới gắn liền với nỗ lực của con người trong việc phát hiện và triển khai khả tính vô tận của “nguyên nguồn” luôn tồn tại ở dạng tiềm năng trong mỗi con người. Tư duy sinh thái và đạo đức Nho giáo hướng đến một sự phản tư (phản tỉnh) sâu sắc hơn về bản chất, vị thế và trách nhiệm của con người. □

(25) Trích theo: Phùng Hữu Lan. Sdd., tr.556-558.

(26) Theo cách giải thích của Phan Bội Châu, thiên mệnh cũng là quy luật tự nhiên chứ không phải là điều gì thần bí: “...chữ ‘thiên’ không phải là trời ở không gian đâu, mà chỉ nói bằng lý tự nhiên; âm dương nhị khí hòa hợp ở trong lúc vô hình mà sinh ra vạn vật, đó tức là thiên mệnh” (Xem: Phan Bội Châu. *Khổng Học Đăng*. Nxb Văn hóa - Thông tin, 1998. tr.392).